

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 313

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Hà Giang. D. Bắc Kạn.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hải Phòng. B. Sơn La. C. Hà Nội. D. Hạ Long.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Phú Yên. B. Đắk Lắk. C. Lâm Đồng. D. Gia Lai.

Câu 46: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Ngập mặn. B. Cát bay. C. Lũ quét. D. Lụt úng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Pha Luông. C. Phu Luông. D. Phu Pha Phong.

Câu 48: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. lãnh hải.
C. vùng tiếp giáp lãnh hải. D. nội thủy.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng IX. C. Tháng XI. D. Tháng X.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Huế. B. Đồng Hới. C. Lao Bảo. D. Cha Lo.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Chu. B. Sông Cả. C. Sông Mã. D. Sông Đà.

Câu 52: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. tiến hành tăng vụ. D. bón phân thích hợp.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Nam. C. Phú Yên. D. Bình Định.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Vân Đồn. C. Hòn La. D. Nghi Sơn.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đều giữa các vùng. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Tỷ lệ thấp hơn dân nông thôn. D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

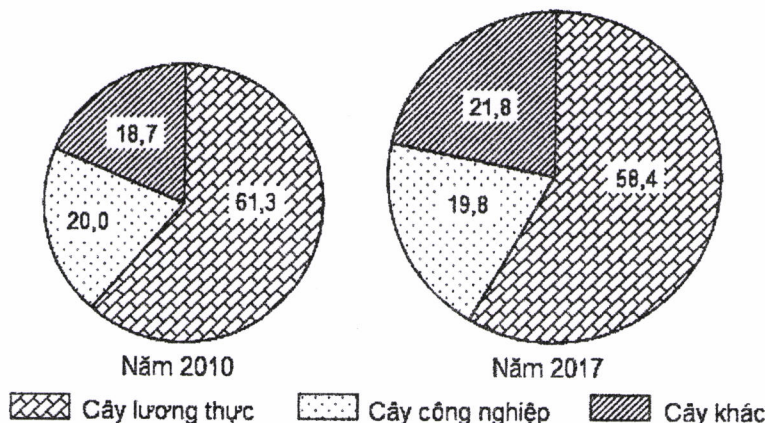
Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, đồng bộ. B. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.
C. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. D. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Loại hình sản phẩm rất đa dạng. B. Chi thu hút được khách nội địa.
C. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ. D. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ.

Câu 58: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
C. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. D. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện ngày càng tốt. B. Mạng lưới phát triển rộng.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Là ngành còn rất non trẻ.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. B. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.
C. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. D. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Cơ cấu cây trồng có thay đổi. B. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.
C. Sản phẩm đã được xuất khẩu. D. Có trình độ lao động rất cao.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Hướng núi chính vòng cung. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 63: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

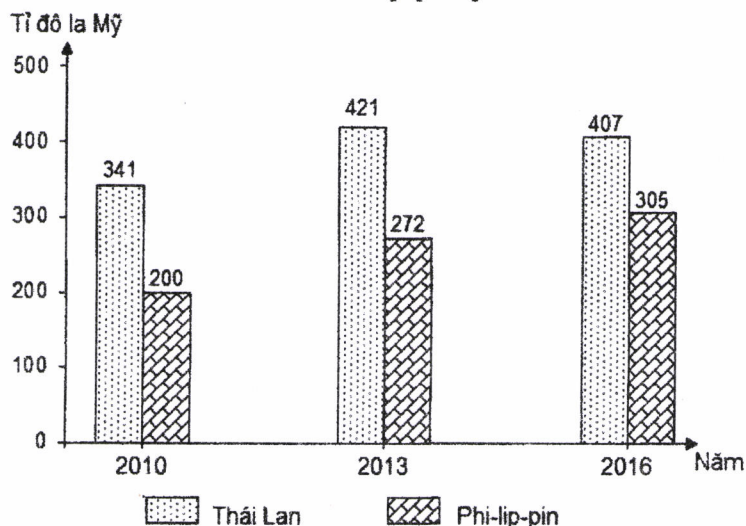
Câu 64: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Cần cù và sáng tạo. B. Số lượng đông và tăng.
C. Lực lượng trẻ dồi dào. D. Có tính kỉ luật rất cao.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
- B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
- C. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.
- B. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
- C. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
- D. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.

Câu 68: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.
- B. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- C. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
- B. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.
- C. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 70: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió phơn Tây Nam.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió mùa Tây Nam.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.
- B. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
- C. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- D. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 72: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.
- C. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- D. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- B. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.
- C. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
- D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 74: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
- B. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.
- C. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- D. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- B. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
- C. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
- D. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.

Câu 76: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. phân bố sản xuất hợp lý ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.
- B. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- C. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
- D. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.
- B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
- C. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.
- B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- D. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- B. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- C. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
- D. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với các nước.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 314****Số báo danh:****Câu 41:** Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. nông - lâm kết hợp. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. bón phân hóa học. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Pu Tha Ca. D. Kiều Liêu Ti.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Hòn La. C. Nhơn Hội. D. Dung Quất.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Quảng Nam.

Câu 45: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Cát bay. B. Trượt đất. C. Sóng thần. D. Lũ quét.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Thanh Hóa. B. Hạ Long. C. Hải Phòng. D. Yên Bái.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Đồng Hới. C. Cầu Treo. D. Đông Hà.

Câu 49: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải. B. thềm lục địa.
C. nội thủy. D. vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Trị.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng XII.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng. B. Bến Tre. C. Sóc Trăng. D. Bình Thuận.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Cà. D. Sông Mã.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Lai Châu. C. Yên Bái. D. Phú Thọ.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Thấp và hẹp ngang. B. Có nhiều cao nguyên.
C. Núi cao nhất cả nước. D. Có hướng vòng cung.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông đảo. B. Phân bố đồng đều. C. Cơ cấu không đổi. D. Trình độ rất cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Có rất nhiều hệ thống sông lớn. B. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.
C. Không có đồng bằng đất phù sa. D. Hướng núi phổ biến bắc - nam.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Tập trung ở các đồng bằng. B. Có các vùng chuyên canh.
C. Chủ yếu là cây nhiệt đới. D. Sử dụng nhiều giống tốt.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Ngành non trẻ và phát triển nhanh. B. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp.
C. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau. D. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.

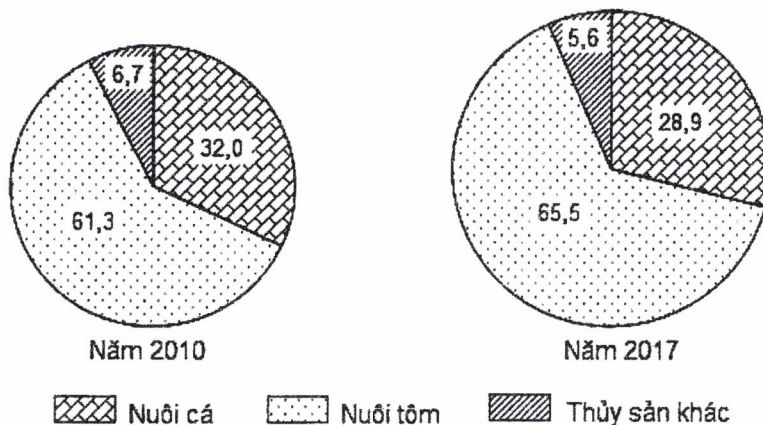
Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Trình độ khoa học kỹ thuật cao. B. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
C. Số lượng đông hơn dân thành thị. D. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới. B. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
C. Mùa đông dừng hoạt động. D. Đa dạng hóa các loại hình.

Câu 63: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. B. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. D. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- B. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
- C. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- D. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- B. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
- C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.

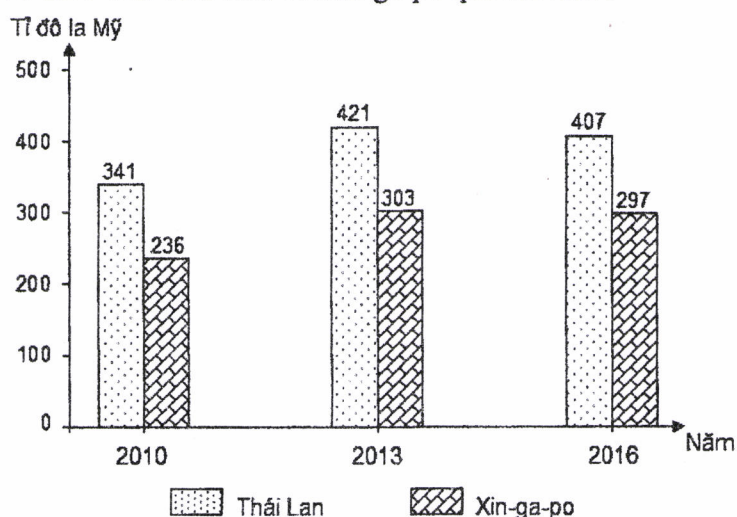
Câu 67: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.
- B. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.
- C. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
- D. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.

Câu 68: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.
- B. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.
- D. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.

Câu 69: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- B. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- C. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- D. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 71: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. Tín phong bán cầu Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Đông Bắc.
- D. gió mùa Tây Nam.

Câu 72: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- B. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- C. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- D. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
- B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- C. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- D. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tình mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
- B. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
- C. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
- D. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Câu 75: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
- B. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
- C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
- C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
- D. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
- B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
- C. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
- D. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
- B. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
- C. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- D. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
- B. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
- C. khắc phục tình mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
- D. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 315

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Phú Yên. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Bến Tre.

Câu 42: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. hạn hán. B. ngập lụt. C. sương muối. D. động đất.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Kiều Liêu Ti. C. Phanxipăng. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Bảo Lộc. B. Đà Nẵng. C. Nha Trang. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Bắc Ninh. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Hạ Long.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 48: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. làm ruộng bậc thang. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Chu Lai. C. Hòn La. D. Nghi Sơn.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lào Cai. B. Yên Bái. C. Hòa Bình. D. Phú Thọ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

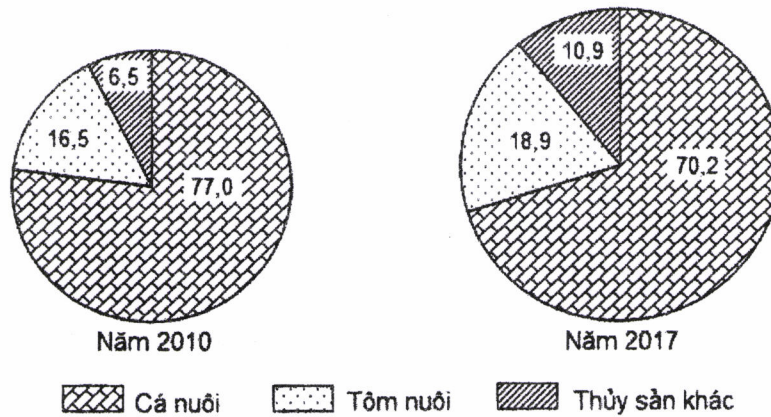
Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Đà Lạt. B. Buôn Ma Thuột. C. Phan Thiết. D. Đồng Xoài.

Câu 54: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Tây. B. vùng nội chí tuyến. C. vùng ngoại chí tuyến. D. bán cầu Nam.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm. B. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.
 C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng. D. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
- Câu 56:** Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?
 A. Phát triển nhất ở Bắc Bộ. B. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
 C. Du khách ngày càng đông. D. Phân bố đều khắp cả nước.
- Câu 57:** Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?
 A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.
 C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. D. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
- Câu 58:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?
 A. Ranh giới có sự điều chỉnh. B. Hội tụ các thế mạnh phát triển.
 C. Tập trung các tiềm lực kinh tế. D. Được hình thành từ lâu đời.
- Câu 59:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?
 A. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. B. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
 C. Sản xuất theo hướng hàng hóa. D. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.
- Câu 60:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?
 A. Quy mô lớn. B. Số lượng luôn cố định.
 C. Cơ cấu tuổi thay đổi. D. Nhiều dân tộc.
- Câu 61:** Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?
 A. Mưa lớn thường xuyên quanh năm. B. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo.
 C. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.
- Câu 62:** Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là
 A. trình độ rất cao. B. phân bố rất đều. C. chất lượng nâng lên. D. số lượng không lớn.
- Câu 63:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?
 A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch. B. Các loại hình vận tải rất đa dạng.
 C. Có nhiều đầu mối giao thông lớn. D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.
- Câu 64:** Cho bảng số liệu:

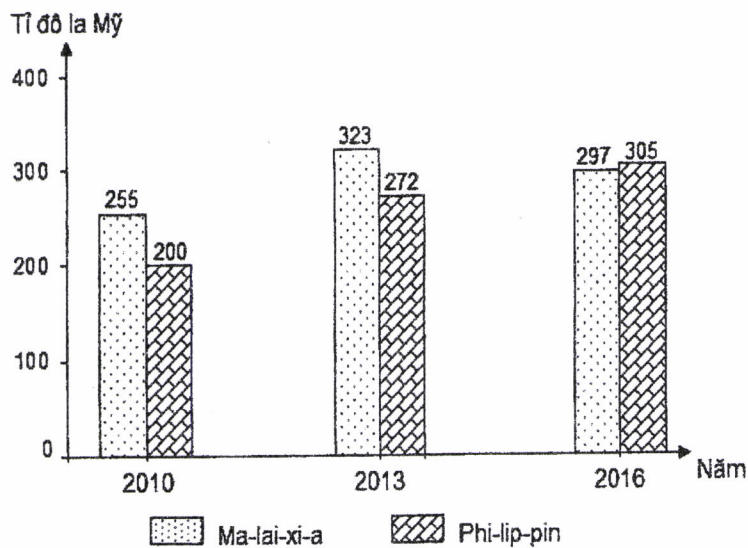
DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

- Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?
 A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.
 C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.

- Câu 65:** Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm
- A. đáp ứng nhu cầu thị trường.
 - B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
 - C. tận dụng thế mạnh lao động.
 - D. góp phần phát triển xuất khẩu.
- Câu 66:** Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Câu 67:** Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là
- A. hình thành các vùng công nghiệp.
 - B. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.
 - C. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
 - D. phát triển các ngành trọng điểm.
- Câu 68:** Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
- A. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
 - B. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
 - C. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
 - D. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
- Câu 69:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
- A. thời tiết đầu hạ khô nóng.
 - B. mưa nhiều vào thu đông.
 - C. lượng bức xạ mặt trời lớn.
 - D. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- Câu 70:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- A. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
 - B. mở rộng diện tích hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.
 - C. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
 - D. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
- Câu 71:** Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là
- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
 - B. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
 - C. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
 - D. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
- Câu 72:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, hội nhập quốc tế.
 - B. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
 - C. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
 - D. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
- Câu 73:** Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
 - B. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
 - C. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
 - D. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.

- Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là
- giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
 - sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
 - chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
 - khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.

- Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
 - phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
 - góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
 - hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- Kết hợp.
- Miền.
- Đường.
- Tròn.

- Câu 77:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
 - hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, giao thông.
 - đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
 - tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.

- Câu 78:** Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
 - tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật.
 - áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
 - phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.

- Câu 79:** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
- đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
 - tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
 - khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
 - nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

- Câu 80:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
 - tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
 - góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
 - làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.